TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **45**/2026/HNGĐ-ST Ngày: 24 - 3 - 2026 *V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Quý Long
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đào Đình Phúc;
2. Bà Đoàn Thị Chuyền.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Hoàng Long- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Xuân Sản- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 13 – Hải Phòng mở phiên toà xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 154/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Hồng H**, sinh ngày 04/5/1987;
HKTT: Thôn V, xã B, thành phố Hải Phòng;
Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã C, thành phố Hải Phòng.
Số CCCD: 019187000755.
- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Thành L**, sinh ngày 20/10/1983;
Địa chỉ: Thôn V, xã B, thành phố Hải Phòng.
Số căn cước công dân: 030083009992.
- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn V, xã B, thành phố Hải Phòng.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L, ông Đ đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã N, thành phố Hải Phòng) vào ngày 28/01/2008 và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới tại địa phương. Sau ngày cưới chung sống tại Thôn V, L, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là thôn V, xã B, thành phố Hải Phòng). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, đời sống kinh tế khó khăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Quá trình xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không có biện pháp gì cải thiện. Chị cùng 02 con thuê trọ tại thôn Đ, xã C, thành phố Hải Phòng từ năm 2016 đến nay. Vợ chồng sống ly thân kể từ thời điểm chị và 02 con ra ngoài thuê trọ đến nay không ai quan tâm gì đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, sống ly thân một thời gian dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thành L để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 23/12/2008 và Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 08/10/2014. Khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các con chung cùng chị đến khi con thành niên.

Hiện tại chị đang làm công nhân cho công ty S tại khu công nghiệp Đ, thu nhập bình quân khoảng 10 triệu/tháng, điều kiện kinh tế ổn định. Chị cùng 02 con chung đang sinh sống ở nhà thuê gần công ty ở thôn Đ, xã C, thành phố Hải Phòng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Nguyễn Thành L đều không đến tham gia tố tụng tại Tòa.

Tại biên bản ghi lời khai ông Nguyễn Văn Đ (là chú ruột anh L) trình bày: Anh L hiện đi làm ăn xa, không thường xuyên có mặt tại địa phương, chỉ khi có việc quan trọng, lễ tết mới về và ở nhà ông vì nhà đất anh L đã chuyển nhượng hết chỉ có hộ khẩu tại địa phương. Hiện anh L đi làm trong M. Ông cũng điện thoại trao đổi cho anh L biết toàn bộ nội dung chị H khởi kiện xin ly hôn. Anh L có trao đổi về điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị H trình bày. Anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống ly thân đã nhiều năm nên đồng ý ly hôn. Về con chung anh L xác định vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày. Anh L đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị H không yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các con chung cùng chị H đến khi con thành niên thì anh L đồng ý. Về tài sản, công sức: Anh L xác định vợ chồng không có gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh L không cung cấp địa chỉ của anh L trong M vì sợ ảnh hưởng đến công việc. Đối với các văn bản tố tụng Tòa án giao cho anh L thì sẽ giao cho ông nhận và ông có trách nhiệm thông báo cho anh L biết.

Qua xác minh tại V, xã B, thành phố Hải Phòng cung cấp: Anh L có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã B, thành phố Hải Phòng. Anh L đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, chỉ khi ngày lễ, tết anh L mới về địa phương và ở trên nhà đất của chú ruột anh L, anh L thường xuyên gọi điện về hỏi thăm sức khỏe của mọi người trong gia đình chú anh L1 (ông Đ) và trao đổi thông tin hiện anh L đang ở trong M. Anh L,

chị H kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không nắm được chỉ nghe thông tin từ gia đình thì nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ lâu, vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn anh L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Chị H và anh L có 02 con chung, hiện cả hai con chung đang ở với chị H. Ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của 02 cháu và điều kiện nuôi con của hai bên để giao con cho anh, chị nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Hồng H, anh Nguyễn Thành L vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh L, giao cả hai con chung Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 23/12/2008 và Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 08/10/2014 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng qui định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn anh Nguyễn Thành L. Về quan hệ con chung: Giao cả hai con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 23/12/2008 và Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 08/10/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Thành L có nơi cư trú tại thôn V, xã B, thành phố Hải Phòng. Chị H có đơn khởi kiện anh L. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng.

Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các Điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung vụ án.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng H và anh Nguyễn Thành L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương (nay là xã N, thành phố Hải Phòng) vào ngày 28/01/2008), đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống kinh tế khó khăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Tòa án tổ chức hòa giải nhưng anh L đều vắng mặt, điều đó khẳng định anh cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Lời trình bày về mâu thuẫn vợ chồng của chị H phù hợp với lời trình bày của ông Nguyễn Văn D (chú ruột anh L) và đại diện chính quyền địa phương. Theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau…Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị không thực hiện được các nghĩa vụ nêu trên. Từ đó có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Nguyễn Thị Hồng H được ly hôn anh Nguyễn Thành L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 23/12/2008 và Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 08/10/2014, hiện cả 02 con chung Nguyễn Thị Trà M, Nguyễn Thị Thu H1 đang ở cùng chị H. Xem xét quan điểm của chị H đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 02 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Căn cứ vào quy định của pháp luật, biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Văn D (chú ruột anh L) biên bản xác minh ngày 05/01/2026, Bảng thanh toán lương tháng 10, 11, 12 của chị H tại công ty TNHH S. Mặt khác, cả 02 con chung đang sống ổn định cùng chị H và đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Anh L không có nhà đất, hiện đang làm ăn tại M thỉnh thoảng về ở cùng nhà chú ruột, (qua lời khai của ông Nguyễn Văn D - chú ruột anh L) thông qua điện thoại trao đổi giữa ông D và anh L thì ý kiến của anh L cũng đồng ý giao cả 02 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng nên HĐXX giao con chung là Nguyễn Thị Trà M, Nguyễn Thị Thu H1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 207, Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***1. Về quan hệ hôn nhân*:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng H ly hôn anh Nguyễn Thành L.

***2. Về quan hệ con chung*:** Xử giao cho chị Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 23/12/2008 và Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 08/10/2014 đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu Ký hiệu: BLTU/25E số 0002919 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng H, anh Nguyễn Thành L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quý Long

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 13- Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Phòng *(Giấy CNKH số 09 ngày 28/01/2008 của UBND xã Lê Hồng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương)*;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thành viên Hội đồng xét xử		Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Thị Hoài	**Phạm Thị Bông**	**Bùi Quý Long**